

Số: 284 /NMĐTB2-KTATMT
V/v cung cấp báo giá vật tư C&I đảm bảo khả
dụng - Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Thái Bình, ngày 13 tháng 2 năm 2025

Kính gửi: Các Nhà cung cấp.

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm vật tư C&I đảm bảo khả dụng. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp vật tư/thiết bị cho các Nhà máy nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa như đính kèm;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
 - Tiến độ cung cấp: Do Nhà cung cấp đề xuất.
 - Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
 - Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
 - Thời gian gửi báo giá: trước 9h ngày 19/02/2025.
 - Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
 - Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
 - Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Ông Lê Hải Long, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0933003737; Email: longlh@pvpvgb.vn; hungbb@pvpvgb.vn.
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CNPĐ DK (đề b/c);
- GĐ NM (đề b/c);
- Phòng: KHTC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (L.H.L: 1 b).

Đính kèm:

- Danh mục hàng hóa.

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



**PHẠM VI CÔNG VIỆC MUA SẴM VẬT TƯ ĐO LƯỜNG & ĐIỀU KHIỂN ĐẢM BẢO TÍNH KHẢ DỤNG CÁC HỆ THỐNG THIẾT BỊ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2
(Đính kèm công văn số 284/NMĐTB2-KTATMT ngày 3 /02/2025)**

STT	Tên vật tư/thiết bị	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	NSX	ĐVT	Nhu cầu mua sắm
1	Công tắc áp suất van an toàn	12LBA10AA602	Model: B2S-H32SS, INCRE 160-3200PSI, 276 BAR	Barksdale	Cái	1
2	Công tắc áp suất của van an toàn điện	22LBA10AA602	Model: B2S-H32SS, INCRE 160-3200PSI, 276 BAR	Barksdale	Cái	1
3	Boar mạch điều khiển (bao gồm board nguồn + board điều khiển)	21LCA10AA251	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Model: DiM 1000,ser 1057306	Drehmo	Bộ	1
4	Board mạch điều khiển (bao gồm board nguồn + board điều khiển)	21PAB73AA201 21PAB77AA201 11PAB77AA201	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Actuator- type: DIM 120 B3-10 Torque-range: 40-120 Nm Speed: 120 IP 67 Serial Number: 1060815/1060816	Drehmo	Bộ	3
5	Board mạch điều khiển (phần board nguồn + board điều khiển)	12LAE13AA201 22LAF11AA201 22LAF12AA202 22LAE13AA201 22LAE14AA201 22LAF11AA202 22LCQ51AA205 22HNA32AA202 22HNA32AA203 22HNA32AA204 22LCQ52AA208 12LAE15AA202 12LAE16AA201 12LCQ53AA205	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Model: DMC 59 Rated power: 0.25 KW Power Supply: 400 VAC/50Hz/3 phase	Drehmo	Bộ	14
6	Thiết bị đo PH của tháp hấp thụ	24HTD11CQ002	Sensor Model No 396R-10-21-54	ROSEMOUNT	Cái	1
7	Thiết bị đo áp suất buồng đốt	22HAS30CP003	Model No. 2051CG2A02A1AS5M5Q4, 0305RC22B11B4, Conduit Connection 1/2" FNPT, Element Type DIAPHRAG, Type SMART, 2-WIRE, 24V DC, Output Signal 4~20mA, HART PROTOCOL , Range meassure -0.05 bar- 0.05 bar	Rosemount	Bộ	1
8	Board điều khiển van cấp hơi thổi bụi	22HCB10AA202	model IQ18, FA10A, ser AE20100109, Rotork	Rotork	Bộ	1
9	Board mạch điều khiển (bao gồm board nguồn + board điều khiển)	06ETN20AA204	Board nguồn + board điều khiển sử dụng cho loại van: Model Actuator: SB-SVS10, ratio 25:1, torque 220Nm, Thrust 7550N, Bernard controls	Bernard	Bộ	1
10	Bộ thu nhận tín hiệu đầu dò khí NH3	05HSS10CQ004 05HHS20CQ011	"Model:GTC200A CHANNEL Input signal: 4-20mA DC (2 wire or 3- wire) Output signal: 4-20mA DC Reset signal: Reset switch"	Gastron	Cái	2
11	Thiết bị đo mức Bồn DO (Diezel)	09MAJ10CL006	"Level transmitter, HITROL Model: HT-100RS-EX Max. temperature: 80°C Max. pressure: 10 kgf/cm² Power: DC24V Cable entry: PF ¾" Output signal: DC 4 ~ 20 mA (2 wire) Abient temperature: -20 ~ +60°C Range/Length: 1364/1664 mm Explosion proof Ex d IIC T6, IP65 "	Hitrol	Cái	1
12	Board logic	21PBB30AA201 21PBB40AA201	Board logic của van: Model: TQ-060SM Logic board TMS-Z11-V3	Enertork	Cái	2
13	Van điều khiển hệ thống bị rửa bình ngưng	21PAH85AA205 21PAH86AA206	Model: TQ-020SM, torque 20kg.m, motor 40w, F-class, current 0,32A, Enertork	Enertork	Cái	2
14	Actuator dbrisfilter	21PAH87AA202	Model: Auma 4249813003-04 Type SA 12E90 T close open 40-120Nm RPM 90 4-SA-17521	Auma	Cái	1



STT	Tên vật tư/thiết bị	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	NSX	ĐVT	Nhu cầu mua sắm
15	Termianal Van phá chân không bình ngưng	11/21MAJ01/02AA001	Cầu đầu nối trung gian part no 501.0 socket carrier(complete with socket) Model Actuator: AM 01.1 Com No: 13272585 No: 4913MA 262550 TPA: 00R1BC-001-A30 MSP: 1910AY7—F1PE2 3~400V, P:A1, -40/ +70°C, IP68-DS Control: 24VDC	Auma	Cái	4
16	Termianal Van phá chân không bình ngưng	11/21MAJ01/02AA002	Cầu đầu nối trung gian part no 502.0 Pin carrier without pins Model Actuator: AM 01.1 Com No: 13272585 No: 4913MA 262550 TPA: 00R1BC-001-A30 MSP: 1910AY7—F1PE2 3~400V P:A1 -40/ +70°C IP68-DS Control: 24VDC AUMA	Auma	Cái	4
17	Termianal Van phá chân không bình ngưng	11/21MAJ01/02AA003	Cầu đầu nối trung gian Double seal Model Actuator: AM 01.1 Com No: 13272585 No: 4913MA 262550 TPA: 00R1BC-001-A30 MSP: 1910AY7—F1PE2 3~400V P:A1 -40/ +70°C IP68-DS Control: 24VDC AUMA	Auma	Cái	4
18	Bộ điều khiển - (Thiết bị van động cơ AUMA Van cửa trích HP7 U1)	11LBQ07AA251	Board điều khiển của loại van: Type: AC01.2, Sin 22034, TPC A-0A2, TPA 00R100-011-00-P;02	Auma	Bộ	1
19	Thiết bị đo nhiệt độ gổì trực bơm tuần hoàn A FGD tổ 01	14HTF11CT611	Cảm biến nhiệt độ loại PT100 , 6 wire Tag No : M-18499-02	Yamari	Cái	2
20	Thiết bị trans áp suất hệ thống FGD	04HTT11CP001	STF732-W1AC4A-Q1F-0-AHB-11C-A-01A0	Honeywell	Cái	1



STT	Tên vật tư/thiết bị	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	NSX	ĐVT	Nhu cầu mua sắm
21	Thiết bị phân tích hệ thống xử lý nước	07GCK01CQ003	Model : CSD 100 Measuring Range: 0 - 500 ppb Calibration Range: 0 - 50 ppb Power Supply: AC230V 50Hz Conduit Size: 3/4" NPT(20mm) Current Output: 4-20mA	KNTEC	Bộ	1
22	Thiết bị phân tích hệ thống xử lý nước	07GCP01CQ002	Model Sensor: 228-02-21 Type: Toroidal Measuring Range: 15 - 1,500,000 μ S/cm Connection Type / Size: Screwed / 3/4" MNPT Model Transmitter: 1066-T-HT-60 Calibration Range: 0 - 410,000 μ S/cm Conduit Size: 3/4" NPT(20mm) Loop Power: 24 VDC Current Output: 4-20mA / Hart Protocol	EMERSON	Bộ	1
23	Bộ điều khiển quá trình thải xỉ silo xỉ đáy	26/16ETE01CB004	Econet-12	Autel	Bộ	2
24	Bộ điều khiển quá trình thải xỉ silo trung gian	26/16ETD01CB003	Econet-6	Autel	Bộ	2
25	Công tắc áp suất	22HFC20CP102	Model:ZNJC01030101, ser.B.0119, range 0.042 - 0.517 Mpa	CCS	Cái	1
26	Sensor/transmitter/module receive rò rỉ clo (intake)	08PBN09CQ004 08PBN09CQ001	Sensor/transmitter U29335	Acutec	Bộ	2
			Module receive U29317	Acutec	Bộ	1
27	Solenoid valve	05SCG10AA404	Model: VCEFCMHTX8551G401MO, SER M12500, 230VAC	ASCO	Cái	1
28	Bộ đếm bi bình ngưng nhánh A, B, C	11PAH85AX003, 11PAH86AX003, 11PAH87AX003	BALL RECIRCULATING MONITOR Model: BRM 2K/THRUBeam INFRARED MONITOR VOLTAGE/ENCLOSURE: 12VDC $\pm$ 10%/ IP-67 CONNECTION: ANSI B16.5 DN 80 = 150, Gea-Bgr	Gea-Bgr	Bộ	3
29	Thiết bị van điều khiển bằng khí nén	11LAB03AA002	Positioner: Sipart PS2 Hart Positioner, 6DR5120-0NG00-0AA0, P= 1,4...7 bar, Iw= 4...20mA, I=4-20mA, có board feedback, Siemens	Siemens	Bộ	1
30	RTD Input Module	TỦ PLC ESP U1	Model:1794-IR8 flexbus:5vdc, 15mA; Input: 1-433Ohms	Allen Bradley	Bộ	1
31	1715 REDUNDANT I/O, 16-CHANNEL DIGITAL INPUT MODULE	Tủ PLC Bơm cấp U2	Model: 1715-IB16D 380 mA @18...32V DC -25°C < Ta > +70°C MAT.NO: PN-75416, SERIES:A, VER:02	Allen Bradley	Bộ	1
32	Nhiệt độ đầu ra phân ly		Model : M-19055-01 Ceramic Special	Yamari	Cái	6

